ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Công nghệ giáo dục — Khóa: 2026
Trình độ: Đại học — Hình thức đào tạo: Chính quy
(ban hành kèm theo Quyết định số 3495/QĐ-ĐHSP ngày 31/12/2025 của Hiệu trưởng)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
Khối kiến thức: GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			**26**	**304**	**86**		
1	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
2	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8		
3	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(15)		
4	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(15)		
5	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(15)		
6	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(15)		
7	00201264	Giáo dục quốc phòng	(0)	(0)	(60)		
8	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8		
9	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
10	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8		
11	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9		
12	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
		Học phần tự chọn	**10**	**135**	**15**		
13	31132001	*Công nghệ số cơ bản*	3	30	15		
14	41232001	*Tiếng Anh B1.1*	3	45	0		
15	41242002	*Tiếng Anh B1.2*	4	60	0		
Khối kiến thức: CƠ SỞ NGÀNH			**39**	**402**	**198**		
16	32031255	Giáo dục học	3	30	15		
17	32031719	Tâm lý học giáo dục	3	32	13		
18	31231006	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	30	30		
19	31141001	Toán cơ sở	4	40	20		
20	32022212	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	15	15		
21	32038456	Khoa học não bộ và hành vi	3	30	15		
22	31238271	Nhập môn Công nghệ giáo dục	3	45	0		
23	31238345	Cơ sở lập trình	3	30	15		
24	31238029	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	3	30	15		
25	31238995	Khoa học dữ liệu trong giáo dục	3	30	15		
26	31238839	Khoa học về học tập	3	30	15		
27	31238391	Công nghệ mới ứng dụng trong giáo dục	3	30	15		
28	31238564	Lý thuyết hệ thống trong giáo dục	3	30	15		
Khối kiến thức: CỐT LÕI NGÀNH			**49**	**395**	**355**		
29	31238857	Chính sách và chiến lược công nghệ giáo dục	3	30	15		
30	31228022	Đạo đức số và pháp luật trong môi trường số	2	20	10		
31	31238953	An toàn hệ thống & bảo mật dữ liệu giáo dục	3	30	15		
32	31238406	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp giáo dục	3	15	30		
33	31238860	Machine Learning trong giáo dục	3	30	15		
34	31228305	Business communication	2	30	15		
35	31248706	Phát triển hệ thống LMS, LCMS và E-Learning	4	30	30		
36	31238471	AI và IoT trong giáo dục STEM	3	15	30		
37	31238048	Thiết kế sản phẩm học tập tích hợp công nghệ	3	30	15		
38	31258001	Ứng dụng AI và XR trong giáo dục	5	30	45		
39	31238776	Phát triển ứng dụng web, apps trong giáo dục	3	15	30		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
40	31238809	Đánh giá học tập trong môi trường số	3	30	15		
41	31238999	Phân tích dữ liệu học tập	3	15	30		
42	31238012	Thống kê ứng dụng trong giáo dục	3	15	30		
43	31238023	Quản trị dữ liệu trong cơ sở giáo dục	3	30	15		
44	31238569	Quản lý dự án công nghệ giáo dục và chuyển đổi số	3	30	15		
Khối kiến thức: THỰC TẬP VÀ TRẢI NGHIỆM			**12**	**0**	**180**		
45	31248418	Thực tập nghề nghiệp	4	0	60		
46	31228387	Thực tế chuyên môn	2	0	30		
47	31268068	Khoá luận tốt nghiệp	6	0	90		
Khối kiến thức: ĐỊNH HƯỚNG GIẢNG DẠY VÀ ĐÀO TẠO			**20**	**135**	**165**		
		Học phần tự chọn	**20**	**135**	**165**		
48	31238978	*Thiết kế dạy học trong môi trường số*	3	15	30		
49	31228191	*Mô hình TPACK và ứng dụng*	2	30	0		
50	31228913	*Phương pháp và kỹ thuật dạy học trong môi trường số*	2	15	15		
51	31238876	*Thiết kế trò chơi học tập số và tương tác trực tuyến*	3	15	30		
52	31228026	*Thiết kế học liệu số*	2	15	15		
53	31238049	*Thực hành dạy học số*	3	0	45		
54	31228027	*Phương pháp dạy học STEM trong môi trường số*	2	15	15		
55	31238055	*Dự án sư phạm số*	3	30	15		
Khối kiến thức: ĐỊNH HƯỚNG ĐA PHƯƠNG TIỆN VÀ TRUYỀN THÔNG GIÁO DỤC			**20**	**90**	**210**		
		Học phần tự chọn	**20**	**90**	**210**		
56	31728014	*Thông hiểu thông tin truyền thông*	2	15	15		
57	31238138	*Thiết kế đồ hoạ trong giáo dục*	3	15	30		
58	31238497	*Gamification và học tập trải nghiệm*	3	15	30		
59	31238524	*Thiết kế UX/UI trong học liệu*	3	15	30		
60	31238134	*Kỹ thuật dựng video và âm thanh học tập*	3	10	35		
61	31238343	*Đồ án sáng tạo nội dung số*	3	5	40		
62	31238199	*Truyền thông đa phương tiện trong giáo dục*	3	15	30		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO			**166**	**1326**	**1194**		
Tổng số tín chỉ bắt buộc			**116**	**966**	**804**		
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			**14**				

Lưu ý:

- Phải tích luỹ tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích luỹ toàn khoá học).

*- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.*

- Học phần giảng dạy bằng tiếng Anh là học phần có gắn ký hiệu chữ "A".

TRƯỞNG NGÀNH	TRƯỞNG KHOA	KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Trần Văn Thưởng	Phạm	TS. Phan Đức Tuấn

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Ngành: Công nghệ giáo dục — Khóa: 2026
Trình độ: Đại học — Hình thức đào tạo: Chính quy
(ban hành kèm theo Quyết định số 3495/QĐ-ĐHSP ngày 31 / 12 /2025 của Hiệu trưởng)

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
1	00101265	Giáo dục thể chất 1	1	0	15		
	31228022	Đạo đức số và pháp luật trong môi trường số	2	20	10		
	31238271	Nhập môn Công nghệ giáo dục	3	45	0		
	31238345	Cơ sở lập trình	3	30	15		
	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
	32031719	Tâm lý học giáo dục	3	32	13		
		Số tín chỉ trong kỳ	**14**	**157**	**53**		
2	00101266	Giáo dục thể chất 2	1	0	15		
	31141001	Toán cơ sở	4	40	20		
	31238564	Lý thuyết hệ thống trong giáo dục	3	30	15		
	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
	32031255	Giáo dục học	3	30	15		
	32038456	Khoa học não bộ và hành vi	3	30	15		
		Học phần tự chọn					
	31132001	*Công nghệ số cơ bản*	3	30	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	**18**	**182**	**88**		
3	00201264	Giáo dục quốc phòng	0	0	60		
	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
	31238029	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	3	30	15		
	31238391	Công nghệ mới ứng dụng trong giáo dục	3	30	15		
	31238839	Khoa học về học tập	3	30	15		
	31238995	Khoa học dữ liệu trong giáo dục	3	30	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	**15**	**150**	**75**		
4	00101267	Giáo dục thể chất 3	1	0	15		
	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8		
	31231006	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	30	30		
	31238023	Quản trị dữ liệu trong cơ sở giáo dục	3	30	15		
	31238809	Đánh giá học tập trong môi trường số	3	30	15		
	32022212	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	15	15		
		Học phần tự chọn					
	41232001	*Tiếng Anh B1.1*	3	45	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	**16**	**172**	**83**		
5	00101268	Giáo dục thể chất 4	1	0	15		
	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8		
	31238012	Thống kê ứng dụng trong giáo dục	3	15	30		
	31238857	Chính sách và chiến lược công nghệ giáo dục	3	30	15		
	31238860	Machine Learning trong giáo dục	3	30	15		
	31238953	An toàn hệ thống & bảo mật dữ liệu giáo dục	3	30	15		
		Học phần tự chọn					
	41242002	*Tiếng Anh B1.2*	4	60	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	**18**	**187**	**83**		
6	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9		
	31228305	Business communication	2	30	15		
	31228387	Thực tế chuyên môn	2	0	30		
	31238048	Thiết kế sản phẩm học tập tích hợp công nghệ	3	30	15		

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
	31238999	Phân tích dữ liệu học tập	3	15	30		
	31258001	Ứng dụng AI và XR trong giáo dục	5	30	45		
		Số tín chỉ trong kỳ	**17**	**126**	**144**		
7	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8		
	31238406	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp giáo dục	3	15	30		
	31238471	AI và IoT trong giáo dục STEM	3	15	30		
	31238569	Quản lý dự án công nghệ giáo dục và chuyển đổi số	3	30	15		
	31238776	Phát triển ứng dụng web, apps trong giáo dục	3	15	30		
	31248706	Phát triển hệ thống LMS, LCMS và E-Learning	4	30	30		
		Số tín chỉ trong kỳ	**18**	**127**	**143**		
8		**Học phần tự chọn**					
	31228026	*Thiết kế học liệu số*	2	15	15		
	31228191	*Mô hình TPACK và ứng dụng*	2	30	0		
	31238134	*Kỹ thuật dựng video và âm thanh học tập*	3	10	35		
	31238138	*Thiết kế đồ hoạ trong giáo dục*	3	15	30		
	31238524	*Thiết kế UX/UI trong học liệu*	3	15	30		
	31238876	*Thiết kế trò chơi học tập số và tương tác trực tuyến*	3	15	30		
	31238978	*Thiết kế dạy học trong môi trường số*	3	15	30		
		Số tín chỉ trong kỳ	**19**	**115**	**170**		
9		**Học phần tự chọn**					
	31228027	*Phương pháp dạy học STEM trong môi trường số*	2	15	15		
	31228913	*Phương pháp và kỹ thuật dạy học trong môi trường số*	2	15	15		
	31238049	*Thực hành dạy học số*	3	0	45		
	31238055	*Dự án sư phạm số*	3	30	15		
	31238199	*Truyền thông đa phương tiện trong giáo dục*	3	15	30		
	31238343	*Đồ án sáng tạo nội dung số*	3	5	40		
	31238497	*Gamification và học tập trải nghiệm*	3	15	30		
	31728014	*Thông hiểu thông tin truyền thông*	2	15	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	**21**	**110**	**205**		
10	31248418	Thực tập nghề nghiệp	4	0	60		
	31268068	Khoá luận tốt nghiệp	6	0	90		
		Số tín chỉ trong kỳ	**10**	**0**	**150**		

Lưu ý:

- Phải tích luỹ tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích luỹ toàn khoá học).

*- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.*

- Học phần giảng dạy bằng tiếng Anh là học phần có gắn ký hiệu chữ "A".

TRƯỞNG NGÀNH	TRƯỞNG KHOA	KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Trần Văn Hưng	Phạm	TS. Phan Đức Tuấn